TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01-8-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

2. Ông Lê Văn Lài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm: 1974; Địa chỉ: ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T1, sinh năm: 1974; Địa chỉ: ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 3 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Võ Thị T - trình bày:***

Chị và anh Phạm Văn T1 tự nguyện tìm hiểu, chung sống từ năm 1992 và có đăng ký kết hôn năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã Long Vĩnh, huyện Châu

Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh chị có hai con chung tên Phạm Văn Nam, sinh năm 1995 và Phạm Thị Thảo, sinh năm 1993.

Trong quá trình chung sống, chị và anh T1 thường xảy ra mâu thuẫn do anh T1 hay ghen tuông vô cớ, chửi bới, xúc phạm chị bằng những lời lẽ không tôn trọng, mâu thuẫn đã tích tụ qua thời gian dài nên không thể dung hòa được. Chị và anh T1 đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2023 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, chị đã cho nhiều cho cơ hội nhưng anh T1 vẫn không thay đổi nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T1.

Về nuôi con chung: Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có nợ chung.

**** Bị đơn - anh Phạm Văn T1 - trình bày:***

Anh thống nhất lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân và con chung. Anh và chị T hay xảy ra gây gổ, cãi vã do chị T không quan tâm chăm lo cho gia đình, hay sử dụng điện thoại di động và liên hệ thường xuyên với một số điện thoại lạ, khiến anh cảm thấy không tin tưởng. Anh chị đã không còn sống chung từ khi chị T nộp đơn khởi kiện ly hôn cho đến nay. Dù cuộc sống vợ chồng đã có mâu thuẫn và không còn hạnh phúc như trước nhưng anh vẫn không muốn ly hôn vì cho rằng anh chị đã lớn tuổi và đây chỉ là các vấn đề nhỏ nhặt.

Anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, xác định không có nợ chung, các con chung đều đã trưởng thành, có khả năng lao động.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đều đã tuân thủ theo đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị T được ly hôn với anh T1; Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung: không xem xét do không yêu cầu giải quyết; Các đương sự trình bày không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết; Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

Chị Võ Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn T1. Anh T1 cư trú tại ấp Long Châu, xã Long Vĩnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

[2.1] Chị T và anh T1 tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Vĩnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vào năm 1998. Hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Chị T trình bày đã chịu đựng nhiều mâu thuẫn nhỏ nhặt tích tụ trong thời gian dài do anh T1 không tôn trọng chị, hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh T1 thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng là có thật xuất phát từ việc anh không còn tin tưởng chị T nên hay gây gổ, cãi vã. Anh chị đã ly thân từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Tại phiên tòa, chị T kiên quyết ly hôn, anh T1 không đồng ý giải quyết ly hôn vì muốn có cơ hội hàn gắn tuy nhiên trong thời gian sống ly thân, anh chị vẫn không có giải pháp nào để đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1.

[2.3] Về nuôi con chung: Các con chung đều đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Anh chị xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 56, 57, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Võ Thị T đối với anh Phạm Văn T1. Chị Võ Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn T1.

2. Về nuôi con chung: Anh chị có hai con chung tên Phạm Văn Nam, sinh năm 1995 và Phạm Thị Thảo, sinh năm 1993. Các con chung đã thành niên, có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh chị xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018365 ngày 04-4-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị Võ Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã Long Vĩnh;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Quyên